TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 08- 4- 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Minh Nhiên

Bà Nguyễn Thị Nhung

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Khà Thị Yêu– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà: ông Hoàng Xuân Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2025/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/3/2025 và Quyết định hoãn phiên phiên toà số 07/QĐ-TA ngày 20/3/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị N**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình.

2. Bị đơn: Anh Đào Duy L, sinh ngày 1980; KHTT: Xóm T, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình. *(Hiện đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan).*

Chị Bùi Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đào Duy L vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày:

Năm 2005 chị N và anh L kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình (nay là Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình, việc kết hôn

hoàn toàn tự nguyên. Sau khi cưới hai vợ chồng về sinh sống tại xóm E, xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình nay là xóm T, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình. Cuộc sống hôn nhân mấy năm đầu hoà thuận hạnh phúc, đến năm 2014 mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mặc dù được hai bên gia đình hoà giải nhưng mâu thuẫn vẫn xảy ra, năm 2022 anh L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ lúc đi sang Đài Loan anh không còn quan tâm đến gia đình. Nay tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N đề nghị được ly hôn với anh Đào Duy L.

Về con chung: vợ chồng có ba con chung là cháu Đào Phương A, sinh ngày 25/01/2007, đối với cháu Đào Phương A đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không đề nghị giải quyết. Đối với cháu Đào Anh T, sinh ngày 03/02/2014 và cháu Đào Thị Phương N1, sinh ngày 07/12/2017. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục. Chưa yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại công văn 147/PA08 ngày 26/2/2025 của Phòng Q - Công an tỉnh H đã cung cấp thông tin: Công dân Đào Duy L đã được Cục Q1 - Bộ C cấp hộ chiếu số K0541759 ngày 30/6/2022 lần gần nhất, công dân đã sử dụng hộ chiếu trên để xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay quốc tế N ngày 08/09/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại biên bản xác minh ngày 28/2/2025 đối với chị Đào Phương A (con gái ruột của anh L) cho biết: Năm 2022 anh Đào Duy L đi xuất khẩu tại Đài Loan, anh L thi thoảng có liên lạc với chị qua mạng xã hội (Wechat) nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể bên Đài Loan nên chị cũng không biết.

Theo bản tự khai của cháu Đào Anh T và cháu Đào Thị Phương N1 cho biết: Hiện nay hai cháu đang học tại Trường Tiểu học V, huyện C, tỉnh Hòa Bình, hai cháu đang được chị N chăm sóc giáo dục. Về mâu thuẫn chị N và anh L thường xuyên cãi nhau, từ ngày anh L đi Đài Loan không ai quan tâm đến ai, nay ly hôn hai cháu có nguyện vọng được ở với chị N.

Đại diện xóm T, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình ông Bùi Văn T1 cho biết: Năm 2005 chị N và anh L có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân xã T hiện nay là xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại xóm T, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình về mâu thuẫn vợ chồng địa phương không nắm được, về con chung chị N và anh L có ba con chung là cháu Đào Phương A, cháu Đào Anh T và

cháu Đào Thị Phương N1 hiện đang sống cùng chị N, về tài sản chung không có, về địa chỉ cụ thể của anh L bên Đài Loan chính quyền địa phương không nắm được.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đào Duy L theo quy định của pháp luật tố tụng. Tuy nhiên anh L không có mặt tại địa phương, do vậy Toà án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn đã có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải vì bị đơn không có mặt tại địa phương, do vậy vụ án không tiến hành hoà giải được.

Ngày 20/3/2025 vụ án được đưa ra xét xử, bị đơn anh L vắng mặt nên phiên toà hoãn lần thứ nhất. Hôm nay bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nguyên đơn chị Bùi Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhưng thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng và đưa vụ án ra xét xử đúng quy định.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N được ly hôn anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là cháu Đào Phương A, sinh ngày 25/01/2007 đã trưởng thành. Đối với cháu Đào Anh T, sinh ngày 03/02/2014 và cháu Đào Thị Phương N1, sinh ngày 07/12/2017. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục. Chưa yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về án phí: chị Bùi Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn chị Bùi Thị N trú tại xómTrang Giữa, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình. Hiện anh L đang làm ở Đài Loan, chị N có đơn xin ly hôn anh Đào Duy L và đề nghị được nuôi dưỡng hai con chung. Bị đơn anh Đào Duy L, có hộ khẩu thường trú tại xóm T, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con để thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 464 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại phiên tòa, chị N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh L đã được triệu tập hợp lệ, vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án mặc dù nguyên đơn chị N và bị đơn anh L đều vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh L kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình (nay là Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình) là hôn nhân hợp phát, được pháp luật công nhận, thời gian đầu sống hạnh phúc, hoà thuận. Sau đó, vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm. Đến năm 2022 anh L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng ở xa nhau nên mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, mặc dù đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không được. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Đào Duy L.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là cháu Đào Phương A, sinh ngày 25/01/2007 đã trưởng thành. Đối với cháu Đào Anh T, sinh ngày 03/02/2014 và cháu Đào Thị Phương N1, sinh ngày 07/12/2017. Chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu N1 đây cũng là nguyện vọng của hai cháu. Chưa yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Không có Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: chị Bùi Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Đào Duy L.

1.2. Về con chung: Cháu Đào Phương A, sinh ngày 25/01/2007 đã trưởng thành. Giao cháu Đào Anh T, sinh ngày 03/02/2014 và cháu Đào Thị Phương N1, sinh ngày 07/12/2017, cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T và và cháu N1 đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi nuôi con chung. Đây cũng là nguyện vọng của hai cháu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được phép cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chị N chưa yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: chị Bùi Thị N phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004829 ngày 12/02/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình, chị N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: chị Bùi Thị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án. Anh Đào Duy L được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Hòa Bình;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- UBND xã Hợp Phong;
- Các đương sự;
- Lưu TH, HSVA.

Nguyễn Thanh Tùng